TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 359/2024/HC-PT
Ngày: 20-9-2024
V/v "*Tranh chấp tài sản; khiếu kiện quyết định hành chính, trong lĩnh vực quản lý đất đai*"

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ông **Trương Công Thi**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Tào**

ông **Phạm Ngọc Thái**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Phong** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 180/2024/TLPT-HC ngày 24/6/2024 về việc *"Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 176/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1779/2024/QĐPT-HC ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện***: Ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1952. Địa chỉ: số F đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trương Văn D- Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Địa chỉ: A T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- ***Người bị kiện***:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H. Địa chỉ: Số I T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh L - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H. Có đơn xin xử vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn X, sinh năm 1957. Địa chỉ: thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

+ Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H. Địa chỉ: Số A đường B, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T. Có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

+ Ủy ban nhân dân thành phố H. Địa chỉ: số I T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh L - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H. Có đơn xin xử vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn X, sinh năm 1957. Địa chỉ: thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

+ Trường M. Địa chỉ: K H, khối A, phường T, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Nữ Trâm U- Hiệu trưởng. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1957. Trú tại: số F N, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952. Trú tại: tổ H khối phố B phường , phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Bà H ủy quyền cho ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1952. Địa chỉ: số F đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- ***Người làm chứng***:

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1947, trú tại: thôn T, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Trương C, sinh năm 1952, trú tại số D đường N, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn H1, sinh năm 1954, trú tại: thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Việt H2, sinh năm 1950, trú tại: số E, đường N, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của ông Nguyễn Việt T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T trình bày:

Trước đây cha ông là ông Nguyễn Q *(còn có tên là Nguyễn Viết Q1 và Nguyễn Viết K)* có tạo lập được 01 ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất tại thửa số 34, tờ bản đồ cố 7, diện tích khoảng 400m^2 *(theo hồ sơ địa chính 201/CP)*. Năm 1982, chính quyền địa phương mượn nhà và đất của ông Q1 để làm lớp mẫu giáo của thôn, sau đó ông Q1 bị bệnh và đột ngột qua đời vào năm 1996. Khi mượn nhà và đất để làm trường mẫu giáo, Đảng ủy và UBND phường C nhiều lần đến gặp ông Q1, lúc đó có bà Nguyễn Thị T1- Nguyên Bí thư Đảng ủy xã, ông Kiều T2- Chủ nhiệm HTX, ông Nguyễn H1- Phó Chủ tịch UBND xã. Ông T có nguyện vọng xin lại diện tích đất đã cho mượn trước đây. Do vậy, ông đã nhiều lần làm đơn khiếu nại gửi đến UBND phường và lãnh đạo UBND thành phố H để được giải quyết nhưng UBND phường T có Thông báo số 22/UBND ngày 26/02/2019 về việc thông tin trả lời đơn đề nghị trả nhà và đất, Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành Thông báo số 292/TB-UBND ngày 26/4/2019 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại đòi lại đất của ông.

Không đồng ý với hai thông báo nêu trên, ông Nguyễn Việt T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết: hủy Thông báo số 22/UBND ngày 26/02/2019 của UBND phường T về việc thông tin trả lời đơn đề nghị trả nhà và đất; Thông báo số 292/TB-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại; buộc UBND phường T, UBND thành phố H hoàn trả lại cho gia đình ông nhà và đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 07 đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg, theo hồ sơ cơ sở dữ liệu mới là tờ bản đồ số 03, diện tích 425,4m^2 mà trước đây đã mượn của gia đình ông. Đồng thời công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà cho gia đình ông đối với diện tích đất và ngôi nhà có trên đất nêu trên.

Tại Công văn số 556/UBND ngày 03/3/2020 của UBND thành phố H và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố H trình bày:

Theo Sổ mục kê đất đai thống kê số liệu và bản đồ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg thì thửa đất nêu trên là một phần diện tích thửa số 34, tờ bản đồ số 7 xã C (trước đây), diện tích 1.196m^2, loại đất thổ cư do ông Nguyễn Q1 (cha ông T) kê khai đăng ký. Theo hồ sơ đăng ký tại Nghị định số 64/CP của Chính phủ thì thửa đất trên có số thửa

là 25a, tờ bản đồ cố 3 xã C (trước đây), diện tích 500m^2, loại đất xây dựng do Trường Mẫu giáo kê khai, đăng ký. Theo sơ đồ đo mới V.2000 thì thửa đất trên có tổng diện tích 425,4m^2, loại đất chuyên dụng khác (đất T3 Mẫu giáo) do T3 Mẫu giáo kê khai. Hiện nay, trên thửa đất có trường mẫu giáo khối B, phường T đang hoạt động nuôi dạy trẻ em của khối phố. Đối với ngôi nhà có trên đất hiện nay đang sử dụng làm trường mẫu giáo, ngôi trường này đã qua nhiều lần cải tạo cho phù hợp với môi trường giáo dục. Hơn nữa, qua thu thập hồ sơ đã giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Huỳnh Thị C1 và ông Kiều H3 tại thôn D, xã C, thị xã H vào năm 1999 thể hiện tại Báo cáo số 26/BC-ĐC ngày 27/7/1999 của Phòng địa chính thị xã H khẳng định *"bà Huỳnh Thị C1 đang sử dụng một phần thửa đất mà trước đây do ông Nguyễn Viết K đăng ký 299/TTg. Ông K chuyển nhượng thửa đất số hiệu T34 cho xã C làm trường Mẫu giáo thôn D-C"*. Xem xét hồ sơ giải quyết tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị C1 (Bằng) với ông Kiều H3, nhận thấy: Tại Báo cáo số 26/BC-ĐC ngày 27/7/1999 của Phòng địa chính thị xã H; các tài liệu thu thập được đều xác định thửa đất T34 là của ông Nguyễn Viết K (có sơ đồ), năm 1989 Ban thôn D, xã C đã "chuyển nhượng" một phần diện tích đất trong thửa đất số T34 của ông K (tức ông Q1) cho bà C1 để lấy tiền sửa chữa Trường mẫu giáo, từ căn cứ trên UBND thành phố H khẳng định toàn bộ thửa đất số T34, diện tích 1.196m^2 đã được ông K "chuyển nhượng" (trước đây được hiểu là hiến đất) cho thôn để làm trường mẫu giáo thôn; hơn nữa, diện tích đất liên quan đến việc khởi kiện của ông T đã được nhà nước xác lập quyền sở hữu và giao cho Trường M quản lý từ trước năm 1993 đến nay. Do đó, nhận thấy yêu cầu của ông T về việc buộc UBND thành phố H hoàn trả lại cho gia đình ông nhà và đất tại thửa đất nêu trên là không có cơ sở giải quyết.

Đối với yêu cầu hủy Thông báo số 292/TB-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H: nhận thấy Thông báo trên đảm bảo đúng theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, do đó yêu cầu của ông T là không có cơ sở nên đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Việt T.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H trình bày:

Theo bản đồ và sổ mục kê chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 thể hiện tại thửa số 34, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.196m^2, loại đất thổ cư do ông Nguyễn Q1 (cha ông T) đứng tên kê khai. Theo hồ sơ đăng ký tại Nghị định 64/CP của Chính phủ thì thửa đất trên có số hiêu 25a, tờ bản đồ số 3 diện tích 500m^2 loại đất xây dựng do trường mẫu giáo kê khai; theo hồ sơ đo mới hệ tọa độ VN 2000 thì thửa đất trên có số hiệu 24, tờ bản đồ số 03, diện tích 425,4m^2 loại đất chuyên dùng khác (đất trường Mẫu giáo), hiện trạng trên đất có trường M cơ sở 3 đang hoạt động là nơi giảng dạy và học tập của con em địa phương. Thời điểm năm 1982, ở H đất trống chưa xây dựng rất nhiều, ông T cho rằng chính quyền xã C mượn nhà và đất của cha ông làm trường mẫu giáo nhưng không có giấy tờ mượn của chính quyền. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013, thì việc ông Nguyễn Việt T khởi kiện đề nghị trả lại diện tích đất nêu trên là không có cơ sở. Đồng thời UBND phường T ban hành Thông báo số 22/UBND

ngày 26/02/2019 về việc thông tin đơn đề nghị trả lại nhà và đất đối với ông Nguyễn Việt T là có cơ sở nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đối với UBND phường T, thành phố H.

Tại văn bản ngày 12/6/2023 của Trường M trình bày:

Trường M được sử dụng nuôi dạy trẻ đã lâu và trải qua nhiều lần thay đổi Ban giám hiệu. Năm 2019, cả Ban giám hiệu mới được đề bạc làm quản lý Trương mẫu giáo T5 nhưng không nhận được các giấy tờ liên quan đến thửa đất nói trên, do đó đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/4/2022 và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà nguyên là quyền Bí thư rồi Bí thư Đảng ủy xã C, thị xã H từ năm 1980 đến năm 1985 thì được điều về làm Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Thị ủy H. Nguồn gốc đất hiện nay liên quan đến việc khởi kiện là ông Q1 được HTXNN Cẩm Hà cấp năm 1979. Năm 1980, bà và ông Kiều T2 trực tiếp đến nhà ông Q1 (Kỉnh) để mượn nhà và đất sử dụng vào việc làm trường Mẫu giáo cho con cháu tại thôn C, thôn D xã C học tập; khi nào HTX có chỗ học mới thì sẽ sửa chữa trả lại cho ông Q1.

Tại bản trình bày ngày 12/4/2022, ông Trương C trình bày:

Từ năm 1979 đến năm 1984 ông làm Đội trưởng đội 4 HTX N1; thời điểm năm 1980, 1981 ông Q1 làm Bí thư Chi bộ thôn D, xã C diện tích đất hiện nay có trường Mẫu giáo là của ông Q1. Năm 1980, UBND xã C, H mượn nhà và đất của ông Q1 để làm cơ sở dạy trẻ mẫu giáo thôn D. Lúc đó bà Nguyễn Thị T1 làm Bí thư Đảng ủy xã C trực tiếp làm việc với ông Q1 để mượn nhà đất làm trường mẫu giáo.

Tại bản trình bày ngày 12/4/2022 ông Nguyễn H1 trình bày:

Nguyên ông là cán bộ xã C (cũ) thời gian từ năm 1980 đến năm 1987 ông làm ủy viên thư ký UBND xã Cẩm Hà giống như chức vụ Chánh Văn phòng UBND xã hiện nay. Thời điểm này ông Nguyễn Viết Q1 (Kỉnh) là cán bộ tập kết về quê sinh sống, ông có làm nhà ở tại địa điểm thôn D, xã C (nay là địa điểm trường M1, phường T). Lúc đó ông được biết là do có nhu cầu mở lớp mẫu giáo tại thôn D nên bà Nguyễn Thị T1 là Quyền Bí thư Đảng ủy và ông Kiều Văn T4 nguyên là chủ nhiệm HTX N1 đã đến nhà ông Q1 (Kỉnh) để mượn nhà của ông để làm lớp nhà trẻ và ông Q1 đồng ý cho mượn.

Tại bản trình bày ngày 12/4/2022, ông Nguyễn Việt H2 trình bày:

Thời điểm từ giữa năm 1979 đến cuối năm 1980, Ban N1 do ông Hứa Công H4 làm chủ nhiệm, còn ông làm Kế toán trưởng, cuối năm 1980 ông trở về Phòng tài chính còn ông H4 về lại Ngân hàng. Đầu năm 1981 ông Kiều T4 được tặng cường về làm chủ nhiệm HTX. Lúc này có chủ trương tổ chức nuôi giữ những nhóm trẻ tập trung để

các xã viên có con mọn yên tâm lao động. Trước nhu cầu bức xúc về điểm nuôi, giữ trẻ, lãnh đạo xã C với Ban quản trị HTX đã làm việc và được ông Nguyễn Viết Q1, còn gọi là K đồng ý cho mượn căn nhà ông đang ở để HTX tổ chức nuôi, giữ trẻ. Nhà ông ở cùng xóm với nhà ông Q1 nên được biết sự việc là như vậy.

Tại phiên tòa ông Trương Văn D có ý kiến tranh luận bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Việt T như sau:

Nhà và đất tại thửa đất số 25a, tờ bản đồ số 3 xã C, diện tích 500m^2, loại đất xây dựng do Trường Mẫu giáo kê khai, đăng ký; theo sơ đồ đo mới V.2000 thì thửa đất trên có tổng diện tích 425,4m^2, loại đất chuyên dụng khác do T3 Mẫu giáo kê khai có nguồn gốc của gia đình ông Nguyễn Việt T cho xã C mượn để làm trường mẫu giáo nuôi dạy trẻ. Việc cho mượn này tuy không có giấy tờ mượn nhưng có những người làm chứng như: ông Nguyễn H1, ông Trương C, ông Nguyễn Việt H2 biết việc mượn nhà và đất của chính quyền; bà Nguyễn Thị L1 là người trực tiếp cùng với ông Kiều T4 (ông T4 đã chết) đến gặp cha ông T để mượn nhà và đất. Điều này thể hiện, việc chính quyền xã C mượn nhà và đất của gia đình ông T để sử dụng làm trường Mẫu giáo là có trên thực tế và diện tích đất này được cha ông T là ông Nguyễn Q1 (còn có tên là Nguyễn Viết Q1 và Nguyễn Viết K) đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg thì thửa đất nêu trên là một phần diện tích thửa số 34, tờ bản đồ số 7 xã C (trước đây), diện tích 1.196m^2, loại đất thổ cư. Như vậy, có đủ cở sở pháp lý để chính quyền phải trả lại trả lại cho gia đình ông Nguyễn Việt T nhà và đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 07, diện tích 425,4m^2 tại phường T, thành phố H.

Khi ban hành Thông báo số 22/UBND ngày 26/02/2019, UBND phường T, thành phố H căn cứ vào khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 để cho rằng việc đề nghị trả lại nhà và đất của ông Nguyễn Việt T là không có cơ sở, không đúng quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T.

Việc Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Thông báo số 292/TB-UBND ngày 26/4/2019 viện dẫn Văn bản số 1337/UBND ngày 02/5/2018 để không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông T đề ngày 11/3/2019 là không đúng quy định của pháp luật, không đúng bản chất nội dung đơn khiếu nại của ông T.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy Thông báo số 22/UBND ngày 26/02/2019 của UBND phường T, thành phố H về việc thông tin trả lời đơn đề nghị trả nhà và đất; hủy Thông báo số 292/TB-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại và yêu cầu buộc UBND phường T và UBND thành phố H hoàn trả lại cho gia đình ông nhà và đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 07, diện tích 425,4m^2 tại phường T, thành phố H và công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà cho gia đình ông đối với diện tích đất và ngôi nhà có trên đất.

Với những nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 176/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 158, khoản 1, điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 9, khoản 6 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 116 Luật đất đai năm 2003; điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt T *đối với Chủ tịch* UBND thành phố H*;* UBND phường T*,* thành phố H *về việc yêu cầu: hủy Thông báo số 22/UBND ngày 26/02/2019 của* UBND phường T*,* thành phố H *về việc thông tin trả lời đơn đề nghị trả nhà và đất; hủy Thông báo số 292/TB-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch* UBND thành phố H *về việc không thụ lý giải quyết khiếu nạivà yêu cầu buộc* UBND phường T *và* UBND thành phố H *hoàn trả lại cho gia đình ông nhà và đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 07, diện tích 425,4m^2 tại* phường T*,* thành phố H *và công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà cho gia đình ông đối với diện tích đất và ngôi nhà có trên đất.*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/9/2023 người khởi kiện ông Nguyễn Việt T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S, có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo ông T, bà S cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án một cách khách quan, chưa giải quyết rõ ràng các vấn đề khởi kiện trong vụ án, ban hành Bản án không đúng pháp luật, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, ông T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Việt T giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đồng thời bổ sung yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Việt T, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, xem xét kháng cáo của ông Nguyễn Việt T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Xem xét quan hệ pháp luật, đối tượng khởi kiện trong vụ án, xét thấy: Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2019; tại các Đơn khiếu nại và các văn bản trình bày ý kiến có trong hồ sơ vụ án, ông Nguyễn Việt T yêu cầu có nội dung như sau: Trước đây, cha ông là ông Nguyễn Q1 *(còn có tên là Nguyễn Viết Q1 và Nguyễn Viết K)* có tạo lập được 01 ngôi nhà cấp 4, tọa lạc trên thửa đất số 34, tờ bản đồ số 7, diện tích 425,4m^2 *(nằm trong phần diện tích 1.196m^2, loại đất thổ cư, thuộc tờ bản đồ số 7* xã C, nay là phường T*)*, do bố ông T là ông Q1 đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/CT, trên đất đã xây dựng nhà ở. Năm 1982, UBND xã C và HTX N2 đến mượn nhà và đất của ông Q1 để mở lớp mẫu giáo của thôn, đến năm 1996 ông Q1 bị bệnh, đột ngột qua đời.

Khi mượn nhà và đất để làm trường mẫu giáo, gồm có bà Nguyễn Thị T1- nguyên Bí thư Đảng ủy xã, ông Kiều T4- Chủ nhiệm HTX, ông Nguyễn H1- Phó Chủ tịch UBND xã C, thay mặt cho Đảng ủy và UBND phường C, đến gặp ông Q1 để mượn nhà đất của ông Q1, nay ông T nhiều lần yêu cầu trả lại nhà đất của cha ông cho xã và Hợp tác xã mượn nhưng không được, do UBND phường T có Thông báo số 22/UBND ngày 26/02/2019 trả lời cho ông T với nội dung: Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013, UBND phường T không trả lại nhà đất của ông Q1, ông T tiếp tục khiếu nại lên UBND thành phố H thì Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành Thông báo số 292/TB-UBND ngày 26/4/2019 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại đòi lại nhà đất của ông. Do vậy, ông T khởi kiện yêu cầu: Buộc UBND phường T và UBND thành phố H trả lại nhà đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 07 đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg, diện tích 425,4m^2 mà trước đây UBND xã C và HTX N1 đã mượn của ông Q1. Đồng thời yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 22/UBND ngày 26/02/2019 của UBND phường T và Thông báo số 292/TB-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H.

Đến ngày 25/12/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành Thông báo số 108/TLST-HC thụ lý vụ án theo Luật tố tụng hành chính, quá trình xem xét, đến ngày 26 tháng 9 năm 2023 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã ban hành Bản án hành chính sơ thẩm số 176/2023/HC-ST, nội dung quyết định của Bản án đã bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông Nguyễn Việt T.

[1.2]. Xét thấy, với quan hệ pháp luật ông T khởi kiện về việc đòi lại tài sản là nhà đất và yêu cầu công nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất gắn liền đất là một quan hệ tranh chấp dân sự, theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 9 Điều

26 Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời với việc khởi kiện nêu trên, ông T còn yêu cầu hủy các quyết định hành chính cá biệt của UBND phường T *(Thông báo số 22/UBND ngày 26/02/2019)* và của Chủ tịch UBND thành phố H *(Thông báo số 292/TB-UBND ngày 26/4/2019)* là đối tượng hành chính theo quy định tại Điều 3 Luật tố tụng hành chính. Theo hướng dẫn tại Văn bản số 02/GĐ- TANDTC ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn như sau: "*Trong trường hợp này, Tòa án phải hướng dẫn đương sự rút đơn khởi kiện vụ án hành chính để khởi kiện vụ án dân sự. Trường hợp đương sự rút đơn khởi kiện vụ án hành chính, đồng thời có đơn khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về đất đai thì Tòa án căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính để đình chỉ giải quyết vụ án hành chính và xem xét, thụ lý đơn khởi kiện để giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục chung. Trường hợp đương sự không rút đơn khởi kiện thì Tòa án căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 141 của Luật Tố tụng hành chính tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả giải quyết vụ án dân sự. Trong trường hợp xét thấy việc giải quyết tranh chấp đất đai và giải quyết yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến nhau và có thể giải quyết trong cùng một vụ án thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào khoản 1 Điều 34 của Luật Tố tụng hành chính và Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết đồng thời hai yêu cầu của đương sự trong cùng một vụ án theo thủ tục chung do pháp luật tố tụng dân sự quy định".*

Trong trường hợp cụ thể nêu trên, ông T đồng thời khởi kiện đòi lại nhà đất và yêu cầu hủy quyết định hành chính thì phải thụ lý vụ vụ án theo thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định, sau đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 34 của Luật Tố tụng hành chính và Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết đồng thời hai yêu cầu của đương sự trong cùng một vụ án mới đúng bản chất, cũng như đảm bảo được các quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do thụ lý và xem xét giải quyết vụ án không đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, dẫn đến việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là không đúng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục.

[2]. Về thu thập, đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật:

[2.1.]. Về nguồn gốc và giấy tờ nhà đất của ông Nguyễn Q1:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như trình bày của người bị kiện, những người liên quan và người làm chứng thể hiện, trước đây vào năm 1979, ông Nguyễn Q1 *(còn có tên là Nguyễn Viết Q1 và Nguyễn Viết K)* được cấp thửa số 34, diện tích 1.196m^2, loại đất thổ cư, thuộc tờ bản đồ số 7 xã C (nay là phường T*)*, ông Q1 đã xây dựng nhà ở trên thửa đất, quá trình sử dụng ông Q1 đã đăng ký, kê khai theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ, có tên trong Sổ mục kê và Bản đồ đo đạc. Đối chiếu với quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/CP của Chính phủ quy định thì trường hợp của ông Q1 sử dụng đất được xác định có giấy tờ được quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013. Như vậy, có cơ sở

xác định phần diện tích đất ông T đang yêu cầu có diện tích 425,4m^2 là một phần đất của thửa số 34, diện tích 1.196m^2, loại đất Thổ cư, trên đất có nhà ở xây dựng từ năm 1979, nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Q1 được Nhà nước giao (cấp). Nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá, làm rõ những loại giấy tờ về nhà, đất của ông Q1.

[2.2]. Xem xét về giao dịch mượn nhà đất của ông Nguyễn Q1:

Khi mượn nhà đất, giữa UBND xã C và HTX N2 với ông Q1 không lập hợp đồng, theo trình bày của bà Nguyễn Thị T1- nguyên Bí thư Đảng ủy xã, ông Kiều T4 - Chủ nhiệm HTX, ông Nguyễn H1 - Phó Chủ tịch UBND xã C là những người có trách nhiệm tại thời điểm năm 1982, đã thay mặt cho Đảng ủy và UBND phường C, đến gặp ông Q1 để mượn nhà đất của ông Q1, về tư cách tham gia tố tụng cần xác định họ là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quan hệ dân sự, về nội dung, cần làm rõ việc ông Q1 cho mượn nhà đất hay là đã hiến nhà đất, nhà đất của ông Q1 có thuộc đối tượng bị cải tạo hoặc bị trưng thu, trưng dụng hay không, để giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật dân sự, Luật nhà ở.

[2.3.] Tại Thông báo số 22/UBND ngày 26/02/2019 của UBND phường T, cũng như tại Thông báo số 292/TB-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H trả lời cho ông T có nội dung: *"căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013"* và viện dẫn Công văn số 1337/UBND ngày 02/5/2018 của UBND thành phố H, sau đó còn có Quyết định giải quyết khiếu nại số 2149/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố H, nhưng quá trình giải quyết quan hệ dân sự trong vụ án, UBND thành phố H và UBND phường T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh ông Q1 đã *"Hiến"* nhà đất để làm trường mẫu giáo, chỉ dựa vào hồ sơ giải quyết tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị C1 *(Bằng)* với ông Kiều H3 và căn cứ vào Báo cáo số 26/BC-ĐC ngày 27/7/1999 của Phòng địa chính thị xã H để cho rằng ông Q1 đã *"chuyển nhượng"* nhà đất, được hiểu ông Q1 đã *"hiến đất"* là suy luận thiếu căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm cũng không thu thập chứng cứ để xác định nhà đất của ông Q1 đã thực hiện chính sách theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 hay không. Hơn nữa, Công văn số 1337/UBND ngày 02/5/2018 của UBND thành phố H và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2149/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố H là những quyết định hành chính có liên quan trong giải quyết quan hệ dân sự nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Mặc khác, toàn bộ các Quyết định hành chính nêu trên của Chủ tịch và UBND thành phố H không đề cập đến ngôi nhà 03 gian của ông Q1, chỉ cho rằng đã nhiều lần sửa chữa, Trường M, không có hồ sơ về đất đai cũng như tài sản trên đất, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không xem xét, đánh giá gì về tài sản gắn liền trên đất là của ai.

Với những phân tích trên, nhưng tại Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt T là không đúng pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập, đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật không đúng, với những thiếu sót, vi phạm nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung, do vậy, trên cơ sở đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông T, bà S, hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý lại vụ án và xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Do hủy Bản án sơ thẩm vụ nên các nội dung, yêu cầu khác của ông Nguyễn Việt T, bà Nguyễn Thị S; án phí sơ thẩm; chi phí tố tụng sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[4]. Về án phí phúc thẩm, do hủy Bản án sơ thẩm nên ông T, bà S không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Việt T, bà Nguyễn Thị S, hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 176/2023/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để thụ lý vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự và giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm; chi phí tố tụng cũng như các yêu cầu của ông Nguyễn Việt T, bà Nguyễn Thị S sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi giải quyết lại vụ án.

4. Về án phí phúc thẩm, ông T, bà S không phải chịu *(ông Nguyễn Việt T bà Nguyễn Thị S không nộp tạm ứng án phí phúc thẩm)*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Công Thi